



**CÔNG TY CỔ PHẦN
IN SÁCH GIÁO KHOA HÒA PHÁT**

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

MỤC LỤC	Trang
Báo cáo của Ban Giám đốc	1 - 3
Báo cáo kiểm toán độc lập	4
Báo cáo tài chính	
• Bảng cân đối kế toán	5 - 6
• Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	7
• Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	8
• Thuyết minh Báo cáo tài chính	9 - 27



BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần In Sách giáo khoa Hòa Phát công bố báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016.

Thông tin khái quát

Công ty Cổ phần In Sách giáo khoa Hòa Phát (sau đây gọi tắt là “Công ty”) được thành lập trên cơ sở cổ phần hóa Xí nghiệp In Sách giáo khoa Hòa Phát thuộc Nhà Xuất bản Giáo dục tại Quyết định số 7975/QĐ-BGD&ĐT-TCCB ngày 30/12/2003 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo. Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động sản xuất kinh doanh theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3203000201 ngày 12/01/2004 của Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Đà Nẵng, Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan. Từ khi thành lập đến nay, Công ty đã 4 lần điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và lần điều chỉnh gần nhất vào ngày 24/10/2013 với số mã số doanh nghiệp là 0400459486.

Công ty đã được chấp thuận niêm yết cổ phiếu phổ thông tại Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội theo Quyết định số 27/QĐ-TTGDHN ngày 17/11/2006 của Trung tâm Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (nay là Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội) với mã chứng khoán là HTP. Ngày chính thức giao dịch của cổ phiếu là 14/12/2006.

Vốn điều lệ theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp: 18.049.800.000 đồng.

Vốn góp thực tế đến ngày 31/12/2016: 18.049.800.000 đồng.

Trụ sở chính

- Địa chỉ: 157 Tôn Đức Thắng, Phường Hòa An, Quận Cẩm Lệ, Thành phố Đà Nẵng
- Điện thoại: (84) 0236. 3841257
- Fax: (84) 0236. 3841258
- Website: www.inhoaphat.vn

Ngành nghề kinh doanh chính

- In ấn: In sách giáo khoa, sách báo tạp chí, tập san, nhãn, biểu, sản phẩm bao bì và các loại giấy tờ quản lý kinh tế xã hội;
- Sản xuất các loại sản phẩm khác từ giấy và bìa chưa được phân vào đâu: Sản xuất các loại sản phẩm: Giấy kẻ, vở học sinh, nhãn vở, sổ tay và các loại văn phòng phẩm;
- Bán buôn kinh doanh khác chưa được phân vào đâu: Bán buôn các loại sản phẩm: Giấy kẻ, vở học sinh, nhãn vở, sổ tay và các loại văn phòng phẩm; Bán buôn vật tư thiết bị ngành in; Bán buôn thiết bị, dụng cụ giáo dục; Nhập khẩu vật tư, thiết bị kỹ thuật in phục vụ sản xuất kinh doanh;
- Hoạt động xuất bản khác: Tổ chức liên kết xuất bản, in và phát hành lịch, sách, báo, tạp chí và các ấn phẩm khác;
- Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình: Bán buôn sách;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ: Kinh doanh vận tải hàng bằng ô tô;
- Vận tải hành khách đường bộ khác: Kinh doanh vận tải khách theo hợp đồng;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê: Kinh doanh nhà và dịch vụ chuyên quyền sử dụng đất. Dịch vụ cho thuê kho bãi, mặt bằng kinh doanh;
- Sản xuất khác chưa được phân vào đâu: Sản xuất thiết bị, dụng cụ giáo dục.

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Nhân sự

Tổng số công nhân viên hiện có đến cuối năm tài chính là 74 người, trong đó nhân viên gián tiếp là 9 người. Các thành viên của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Giám đốc và Kế toán trưởng trong năm tài chính và đến ngày lập Báo cáo tài chính này gồm có:

Hội đồng quản trị

• Ông Ngô Trọng Vinh	Chủ tịch	Bổ nhiệm lại ngày 04/03/2014
• Ông Phan Quang Thân	Thành viên	Bổ nhiệm lại ngày 02/03/2014
• Ông Nguyễn Thanh Tùng	Thành viên	Bổ nhiệm lại ngày 02/03/2014
• Bà Đinh Châu Tâm Hạnh	Thành viên	Bổ nhiệm lại ngày 02/03/2014
• Ông Phạm Quang Hoà	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 12/09/2016
• Ông Nguyễn Trọng Hà	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 02/03/2014 Miễn nhiệm ngày 12/09/2016

Ban Kiểm soát

• Ông Hồ Phú Cường	Trưởng ban	Bổ nhiệm ngày 04/03/2014
• Ông Bùi Văn Hiệp	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 02/03/2014
• Ông Tôn Thất Điều	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 01/04/2016
• Ông Nguyễn Phước Cao Hùng	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 02/03/2014 Miễn nhiệm ngày 01/04/2016

Ban Giám đốc và Kế toán trưởng

• Ông Nguyễn Thanh Tùng	Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 07/06/2014
• Ông Nguyễn Như Việt	Phó Giám đốc	Bổ nhiệm lại ngày 04/03/2014
• Bà Đinh Châu Tâm Hạnh	Kế toán trưởng	Bổ nhiệm lại ngày 04/03/2014

Kiểm toán độc lập

Báo cáo tài chính này được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán AAC (Trụ sở chính: Lô 78-80, Đường 30 Tháng 4, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng; Điện thoại: (84) 0236.3655886; Fax: (84) 0236.3655887; Website: www.aac.com.vn; Email: aac@dng.vnn.vn).

Trách nhiệm của Ban Giám đốc trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính này trên cơ sở:

- Tuân thủ các quy định của các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý hiện hành khác có liên quan;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính kế toán một cách hợp lý và thận trọng;

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục;
- Chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Các thành viên của Ban Giám đốc Công ty, bằng báo cáo này xác nhận rằng: Báo cáo tài chính bao gồm Bảng cân đối kế toán, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm 31/12/2016 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Thay mặt Ban Giám đốc

Giám đốc



Nguyễn Thanh Tùng

Đà Nẵng, ngày 23 tháng 02 năm 2017



CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ KẾ TOÁN AAC
THÀNH VIÊN CỦA PRIMEGLOBAL

Trụ sở chính
Lô 78-80 Đường 30 tháng 4, Q. Hải Châu, Tp. Đà Nẵng
Tel: 84.236.3655886; Fax: 84.236.3655887
Email: aac@dng.vnn.vn
Website: <http://www.aac.com.vn>

Chi nhánh tại Thành phố Hồ Chí Minh
47-49 Hoàng Sa (Tầng 4 Tòa nhà Hoàng Đan)
Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh
Tel: 84.8.39102235; Fax: 84.8.39102349
Email: aac.hcm@aac.com.vn

Số: 95/2017/BCKT-AAC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần In Sách giáo Khoa Hòa Phát

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần In Sách giáo khoa Hòa Phát (sau đây gọi tắt là "Công ty") được lập ngày 10/02/2017, từ trang 5 đến trang 27, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2016, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Bản thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, xét trên các khía cạnh trọng yếu, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2016 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán AAC

Lâm Quang Tuấn – Phó Tổng Giám đốc

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 1031-2013-010-1

Đà Nẵng, ngày 23 tháng 02 năm 2017

Ngô Thị Kim Anh – Kiểm toán viên

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 1100-2013-010-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Ngày 31 tháng 12 năm 2016

Mẫu số B 01 - DN
Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT - BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2016 VND	01/01/2016 VND
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		16.258.890.776	16.447.549.727
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	2.207.283.619	1.619.975.892
1. Tiền	111		507.283.619	219.975.892
2. Các khoản tương đương tiền	112		1.700.000.000	1.400.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		1.000.000.000	1.000.000.000
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	6a	1.000.000.000	1.000.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		12.372.179.263	12.860.274.262
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	7a	2.232.664.987	2.713.352.310
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		-	65.000.000
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	8	10.076.183.229	10.076.183.229
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	9	109.176.562	50.594.805
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	10	(45.845.515)	(44.856.082)
IV. Hàng tồn kho	140	11	679.427.894	967.299.573
1. Hàng tồn kho	141		679.427.894	967.299.573
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		-	-
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		5.173.387.670	5.366.310.840
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II. Tài sản cố định	220		4.554.649.134	4.634.310.352
1. Tài sản cố định hữu hình	221	12	3.945.509.134	4.025.170.352
- Nguyên giá	222		25.174.128.653	24.949.304.415
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(21.228.619.519)	(20.924.134.063)
2. Tài sản cố định vô hình	227	13	609.140.000	609.140.000
- Nguyên giá	228		609.140.000	609.140.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		-	-
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		-	-
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250	6b	555.297.034	715.816.290
1. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		590.671.007	756.363.143
2. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(35.373.973)	(40.546.853)
VI. Tài sản dài hạn khác	260		63.441.502	16.184.198
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	14	63.441.502	16.184.198
2. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		21.432.278.446	21.813.860.567

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2016 VND	01/01/2016 VND
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		1.408.658.857	1.563.644.695
I. Nợ ngắn hạn	310		1.408.658.857	1.563.644.695
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	15	570.837.341	574.266.684
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		-	213.827
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	16	171.360.611	162.254.194
4. Phải trả người lao động	314		386.506.667	661.831.279
5. Phải trả ngắn hạn khác	319	17	126.981.008	165.078.711
6. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		152.973.230	-
II. Nợ dài hạn	330		-	-
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		20.023.619.589	20.250.215.872
I. Vốn chủ sở hữu	410		20.023.619.589	20.250.215.872
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	18	18.049.800.000	18.049.800.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		18.049.800.000	18.049.800.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	18	(60.093.500)	(60.093.500)
3. Cổ phiếu quỹ	415	18	(914.353.746)	(914.353.746)
4. Quỹ đầu tư phát triển	418	18	1.914.347.993	1.914.347.993
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	18	1.033.918.842	1.260.515.125
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		26.330.125	117.876.928
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		1.007.588.717	1.142.638.197
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		21.432.278.446	21.813.860.567



Giám đốc

Nguyễn Thanh Tùng

Đà Nẵng, ngày 10 tháng 02 năm 2017

Kế toán trưởng

Đình Châu Tâm Hạnh

Người lập biểu

Lê Quang Đỉnh Thạnh

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

Mẫu số B 02 - DN
Ban hành theo Thông tư số
200/2014/TT - BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
1. Doanh thu bán hàng & cung cấp dịch vụ	01	19	11.734.971.563	14.330.907.838
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng & cc dịch vụ	10		11.734.971.563	14.330.907.838
4. Giá vốn hàng bán	11	20	9.701.620.195	11.820.295.727
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng & cc dịch vụ	20		2.033.351.368	2.510.612.111
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	21	1.128.935.211	1.159.678.622
7. Chi phí tài chính	22	22	(4.656.738)	(4.694.987)
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		-	-
8. Chi phí bán hàng	25	23a	39.031.204	34.720.488
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	23b	2.073.223.770	2.479.070.115
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		1.054.688.343	1.161.195.117
11. Thu nhập khác	31	24	296.900.847	398.825.027
12. Chi phí khác	32	25	89.352.532	108.634.878
13. Lợi nhuận khác	40		207.548.315	290.190.149
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		1.262.236.658	1.451.385.266
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	26	254.647.941	308.747.069
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		1.007.588.717	1.142.638.197
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	27	612	694
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	27	612	694



Nguyễn Thanh Tùng

Đà Nẵng, ngày 10 tháng 02 năm 2017

Kế toán trưởng

Đinh Châu Tâm Hạnh

Người lập biểu

Lê Quang Đình Thạnh

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

Mẫu số B 03 - DN
Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT - BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Tiền thu từ bán hàng, CC DV và doanh thu khác	01		12.311.314.870	14.680.583.235
2. Tiền chi trả cho người cung cấp HH và DV	02		(3.844.366.704)	(8.041.864.754)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(5.514.101.715)	(5.593.995.885)
4. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05	16	(284.792.095)	(254.797.197)
5. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		1.129.689.133	1.281.452.907
6. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(2.304.902.116)	(1.743.715.131)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		1.492.841.373	327.663.175
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm XD TSCĐ và các TS DH khác	21	12	(695.000.000)	(190.909.091)
2. Tiền thu từ TLÝ, nhượng bán TSCĐ và các TS DH khác	22	12, 24	190.909.091	54.545.455
3. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	(191.013.643)
4. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	6b, 21	244.350.000	2.600.000
5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	7a, 9, 21	586.896.013	1.575.583.115
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		327.155.104	1.250.805.836
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ PH cổ phiếu, nhận vốn góp của CSH	31		-	-
2. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	17, 18d	(1.232.688.750)	(1.314.868.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(1.232.688.750)	(1.314.868.000)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		587.307.727	263.601.011
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	5	1.619.975.892	1.356.374.881
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái qui đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	5	2.207.283.619	1.619.975.892



Nguyễn Thanh Tùng

Đà Nẵng, ngày 10 tháng 02 năm 2017

Kế toán trưởng

Đinh Châu Tâm Hạnh

Người lập biểu

Lê Quang Đình Thạnh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Mẫu số B 09 - DN
Ban hành theo Thông tư số
200/2014/TT - BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài
chính

1. Đặc điểm hoạt động

1.1. Khái quát chung

Công ty Cổ phần In Sách giáo khoa Hòa Phát (sau đây gọi tắt là "Công ty") được thành lập trên cơ sở cổ phần hóa Xi nghiệp In Sách giáo khoa Hòa Phát thuộc Nhà Xuất bản Giáo dục tại Quyết định số 7975/QĐ-BGD&ĐT-TCCB ngày 30/12/2003 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo. Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động sản xuất kinh doanh theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3203000201 ngày 12/01/2004 của Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Đà Nẵng, Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan. Từ khi thành lập đến nay, Công ty đã 4 lần điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và lần điều chỉnh gần nhất vào ngày 24/10/2013 với số mã số doanh nghiệp là 0400459486.

Công ty đã được chấp thuận niêm yết cổ phiếu phổ thông tại Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội theo Quyết định số 27/QĐ-TTGDHN ngày 17/11/2006 của Trung tâm Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (nay là Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội) với mã chứng khoán là HTP. Ngày chính thức giao dịch của cổ phiếu là 14/12/2006.

1.2. Lĩnh vực kinh doanh chính: In ấn sách và ấn phẩm.

1.3. Ngành nghề kinh doanh

- In ấn: In sách giáo khoa, sách báo tạp chí, tập san, nhãn, biểu, sản phẩm bao bì và các loại giấy tờ quản lý kinh tế xã hội;
- Sản xuất các loại sản phẩm khác từ giấy và bìa chưa được phân vào đâu: Sản xuất các loại sản phẩm: Giấy kẻ, vở học sinh, nhãn vở, sổ tay và các loại văn phòng phẩm;
- Bán buôn kinh doanh khác chưa được phân vào đâu: Bán buôn các loại sản phẩm: Giấy kẻ, vở học sinh, nhãn vở, sổ tay và các loại văn phòng phẩm; Bán buôn vật tư thiết bị ngành in; Bán buôn thiết bị, dụng cụ giáo dục; Nhập khẩu vật tư, thiết bị kỹ thuật in phục vụ sản xuất kinh doanh;
- Hoạt động xuất bản khác: Tổ chức liên kết xuất bản, in và phát hành lịch, sách, báo, tạp chí và các ấn phẩm khác;
- Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình: Bán buôn sách;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ: Kinh doanh vận tải hàng bằng ô tô;
- Vận tải hành khách đường bộ khác: Kinh doanh vận tải khách theo hợp đồng;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê: Kinh doanh nhà và dịch vụ chuyển quyền sử dụng đất. Dịch vụ cho thuê kho bãi, mặt bằng kinh doanh;
- Sản xuất khác chưa được phân vào đâu: Sản xuất thiết bị, dụng cụ giáo dục.

2. Niên độ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Niên độ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc ngày 31/12 hằng năm.

Đơn vị tiền tệ dùng để ghi sổ kế toán và trình bày Báo cáo tài chính là Đồng Việt Nam (VND).

3. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được hướng dẫn tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 và Hệ thống Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

4. Tóm tắt các chính sách kế toán chủ yếu

4.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm: Tiền mặt tại quỹ và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

4.2 Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản tiền gửi có kỳ hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá ghi sổ sau khi đã đánh giá lại. Số dự phòng tổn thất được ghi giảm trực tiếp vào giá trị ghi sổ của khoản đầu tư.

Các khoản cho vay

Các khoản phải thu về cho vay được trình bày trên báo cáo tài chính theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất tại thời điểm cuối kỳ kế toán đối với các khoản cho vay đã quá hạn thu hồi trên 6 tháng hoặc chưa đến thời hạn thu hồi nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản, đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn,... Việc trích lập dự phòng thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 7/12/2009 của Bộ Tài chính.

Đầu tư góp vốn dài hạn vào công ty khác

Đầu tư góp vốn dài hạn vào công ty khác là các khoản đầu tư mà công ty không có quyền kiểm soát hoặc đồng kiểm soát, không có ảnh hưởng đáng kể đối với công ty nhận đầu tư.

Các khoản đầu tư góp vốn dài hạn vào công ty khác được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng. Các khoản cổ tức, lợi nhuận được chia bằng tiền hoặc phi tiền tệ cho giai đoạn trước ngày đầu tư được ghi giảm giá trị khoản đầu tư.

Dự phòng

Việc lập dự phòng đối với các khoản đầu tư góp vốn dài hạn vào công ty khác được thực hiện như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá thị trường của cổ phiếu.
- Trong trường hợp không xác định được giá thị trường của cổ phiếu thì dự phòng được trích lập căn cứ vào phần vốn tổn thất trên báo cáo tài chính của bên nhận đầu tư.

Đối với các công ty nhận đầu tư là đối tượng phải lập báo cáo tài chính hợp nhất thì dự phòng tổn thất được trích lập căn cứ vào báo cáo tài chính hợp nhất. Các trường hợp khác, dự phòng trích lập trên cơ sở báo cáo tài chính của công ty nhận đầu tư.

4.3 Các khoản nợ phải thu

Các khoản nợ phải thu bao gồm: phải thu khách hàng và phải thu khác:

- Phải thu khách hàng là các khoản phải thu mang tính chất thương mại, phát sinh từ các giao dịch có tính chất mua bán giữa Công ty và người mua.
- Phải thu khác là các khoản phải thu không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, nội bộ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

Các khoản nợ phải thu được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng nợ phải thu khó đòi. Dự phòng thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất tại thời điểm cuối kỳ kế toán đối với các khoản phải thu đã quá hạn thu hồi trên 6 tháng hoặc chưa đến thời hạn thu hồi nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản, đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn,... Việc trích lập dự phòng thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 7/12/2009 của Bộ Tài chính.

4.4 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên. Giá gốc nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị thuần có thể thực hiện là giá bán ước tính trừ đi chi phí ước tính để hoàn thành hàng tồn kho và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho từng mặt hàng khi giá trị thuần có thể thực hiện được của mặt hàng đó nhỏ hơn giá gốc. Việc trích lập dự phòng thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính.

4.5 Tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế.

Nguyên giá bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí mà Công ty bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản cố định đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

Khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản. Thời gian khấu hao phù hợp với Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính. Cụ thể như sau:

<u>Loại tài sản</u>	<u>Thời gian khấu hao (năm)</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	6 - 25
Máy móc, thiết bị	6 - 15
Phương tiện vận tải	10

4.6 Tài sản cố định vô hình

Nguyên giá

Tài sản cố định vô hình được phản ánh theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình là toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào sử dụng theo dự kiến.

Quyền sử dụng đất

TSCĐ vô hình là quyền sử dụng đất bao gồm:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

- Quyền sử dụng đất được nhà nước giao cố thu tiền sử dụng đất hoặc nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất hợp pháp (bao gồm quyền sử dụng đất có thời hạn, quyền sử dụng đất không thời hạn);
- Tiền thuê đất trả trước (đã trả cho cả thời gian thuê hoặc đã trả trước cho nhiều năm mà thời hạn thuê đất đã được trả tiền còn lại ít nhất là 05 năm) cho hợp đồng thuê đất trước ngày có hiệu lực của Luật Đất đai năm 2003 và được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Nguyên giá quyền sử dụng đất bao gồm tất cả các chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa đất vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Khấu hao

Tài sản cố định vô hình là quyền sử dụng đất không có thời hạn nên không thực hiện khấu hao.

4.7 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước được phân loại thành chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn. Đây là các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều thời kỳ. Các chi phí trả trước phát sinh chủ yếu tại Công ty:

- Công cụ dụng cụ đã xuất dùng được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 2 năm.
- Các chi phí trả trước khác: Căn cứ vào tính chất, mức độ chi phí, Công ty lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ phù hợp trong thời gian mà lợi ích kinh tế được dự kiến tạo ra.

4.8 Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả bao gồm: phải trả người bán và phải trả khác:

- Phải trả người bán là các khoản phải trả mang tính chất thương mại, phát sinh từ các giao dịch có tính chất mua bán giữa nhà cung cấp và Công ty.
- Phải trả khác là các khoản phải trả không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, nội bộ.

Các khoản nợ phải trả được ghi nhận theo giá gốc, được phân loại thành nợ phải trả ngắn hạn và dài hạn căn cứ theo kỳ hạn nợ còn lại tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

4.9 Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu phản ánh số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh số chênh lệch giữa giá phát hành với mệnh giá, chi phí trực tiếp liên quan đến phát hành cổ phiếu; Chênh lệch giữa giá tái phát hành với giá trị sổ sách, chi phí trực tiếp liên quan đến tái phát hành cổ phiếu quỹ; Cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đến hạn.

Cổ phiếu quỹ

Cổ phiếu quỹ là khoản tiền phải trả để mua lại cổ phiếu do Công ty đã phát hành và các chi phí liên quan trực tiếp đến giao dịch mua lại này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được trích lập các quỹ và chia cho cổ đông theo Điều lệ Công ty hoặc theo Quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

Cổ tức trả cho cổ đông không vượt quá số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối và có cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức.

4.10 Ghi nhận doanh thu

- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi có khả năng thu được các lợi ích kinh tế và có thể xác định được một cách chắc chắn, đồng thời thỏa mãn điều kiện sau:
 - ✓ Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi những rủi ro đáng kể và quyền sở hữu về sản phẩm đã được chuyển giao cho người mua và không còn khả năng đáng kể nào làm thay đổi quyết định của hai bên về giá bán hoặc khả năng trả lại hàng.
 - ✓ Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đã hoàn thành dịch vụ. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì việc xác định doanh thu trong từng kỳ được thực hiện căn cứ vào tỷ lệ hoàn thành dịch vụ tại ngày kết thúc kỳ kế toán.
- Doanh thu hoạt động tài chính được ghi nhận khi doanh thu được xác định tương đối chắc chắn và có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó.
 - ✓ Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế.
 - ✓ Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn.
- Thu nhập khác là các khoản thu nhập ngoài hoạt động sản xuất, kinh doanh của Công ty, được ghi nhận khi có thể xác định được một cách tương đối chắc chắn và có khả năng thu được các lợi ích kinh tế.

4.11 Giá vốn hàng bán

Giá vốn của sản phẩm, hàng hóa và dịch vụ tiêu thụ được ghi nhận đúng kỳ, theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu và nguyên tắc thận trọng.

Các khoản chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho và dịch vụ cung cấp được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán trong kỳ, không tính vào giá thành sản phẩm, dịch vụ.

4.12 Chi phí tài chính

Chi phí tài chính phản ánh các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính. Chi phí tài chính phát sinh tại Công ty là hoàn nhập dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác.

4.13 Chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ.

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh chi phí thực tế phát sinh liên quan đến quản lý chung của doanh nghiệp.

4.14 Chi phí thuế TNDN hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ với thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

chính các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập và chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

4.15 Thuế suất và các lệ phí nộp Ngân sách mà Công ty đang áp dụng

- Thuế GTGT:
 - ✓ Áp dụng mức thuế suất 10% đối với hoạt động in ấn, cắt rọc;
 - ✓ Các hoạt động khác áp dụng mức thuế suất theo quy định hiện hành.
- Thuế thu nhập doanh nghiệp: Áp dụng mức thuế suất là 20%.
- Các loại thuế khác và lệ phí nộp theo quy định hiện hành.

4.16 Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm: tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn, các khoản đầu tư tài chính, phải thu khách hàng, phải thu về cho vay và phải thu khác.

Nợ phải trả tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó. Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán và phải trả khác.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

4.17 Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng (trực tiếp hoặc gián tiếp) kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động.

Đơn vị tính: VND

5. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2016	01/01/2016
Tiền mặt	56.623.314 ✓	29.797.637 ✓
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	450.660.305 ✓	190.178.255 ✓
Tương đương tiền (tiền gửi có kỳ hạn không quá 3 tháng)	1.700.000.000 ✓	1.400.000.000 ✓
Cộng	2.207.283.619 ✓	1.619.975.892 ✓

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

6. Đầu tư tài chính

a. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
Tiền gửi có kỳ hạn trên 3 tháng	1.000.000.000	1.000.000.000	1.000.000.000	1.000.000.000
Cộng	1.000.000.000	1.000.000.000	1.000.000.000	1.000.000.000

Tiền gửi có kỳ hạn tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Đà Nẵng theo 2 hợp đồng sau:

- Hợp đồng tiền gửi số 01/06/256907/HĐTĐ ngày 08/06/2012 với số tiền: 500.000.000 đồng, kỳ hạn gửi là 12 tháng, vào ngày đến hạn thì toàn bộ số tiền gửi sẽ được chuyển sang một kỳ hạn mới tương ứng với lãi suất hiện hành đến hạn. Đến ngày 08/06/2016, Công ty không rút số vốn trên nên toàn bộ số tiền gửi đã được chuyển sang kỳ hạn mới với lãi suất 6%/năm.
- Hợp đồng tiền gửi số 04/06/256907/HĐTĐ ngày 10/06/2014 với số tiền: 500.000.000 đồng, kỳ hạn gửi là 6 tháng, lãi suất tiền gửi là 5,7%/năm. Đến ngày 10/12/2016, Công ty không rút số vốn trên nên toàn bộ số tiền gửi đã được chuyển sang kỳ hạn mới với lãi suất 5,3%.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

b. Đầu tư tài chính dài hạn

	31/12/2016				01/01/2016			
	Số lượng	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Số lượng	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác								
- Công ty CP Sách - TBTH TP. HCM (STC) (i)	13.300	207.896.764	-	325.850.000	23.900	373.588.900	-	554.480.000
- Công ty CP Sách giáo dục tại TP Hà Nội (EBS) (i)	308	7.414.800	4.766.000	2.648.800	308	7.414.800	4.920.000	2.494.800
- Công ty CP Đầu tư & Phát triển GD Đà Nẵng (DAD) (i)	5.700	117.553.675	20.653.675	96.900.000	5.700	117.553.675	20.653.675	96.900.000
- Công ty CP Đầu tư & Phát triển GD Hà Nội (EID) (i)	3.700	45.986.888	-	50.690.000	3.700	45.986.888	-	51.800.000
- Công ty CP Sách - TBTH Quảng Ngãi (ii)	6.000	60.000.000	9.954.298		6.000	60.000.000	9.954.298	
- Công ty CP Sách - TBGD Miền Trung (ii)	3.000	30.000.000	-		3.000	30.000.000	-	
- Công ty CP Sách Giáo dục tại Đà Nẵng (DAE) (i)	8.000	121.818.880	-	124.800.000	8.000	121.818.880	5.018.880	116.800.000
Cộng		590.671.007	35.373.973			756.363.143	40.546.853	

- (i) Dự phòng giảm giá đầu tư cổ phiếu niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội là chênh lệch giảm giữa giá đóng cửa với giá gốc của các cổ phiếu này tại phiên cuối cùng của năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016 với số lượng các cổ phiếu Công ty đang nắm giữ.
- (ii) Cổ phiếu này chưa được niêm yết tại các sàn giao dịch và Công ty cũng không có được nguồn dữ liệu tham khảo nào đáng tin cậy về thị giá của các cổ phiếu này tại thời điểm 31/12/2016. Do đó, giá trị của cổ phiếu đã đầu tư được ghi nhận theo giá gốc và không trích lập dự phòng. Công ty cũng không có cơ sở xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

7. Phải thu của khách hàng

a) Ngắn hạn

	31/12/2016	01/01/2016
Công ty TNHH MTV Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam	648.415.475 ✓	236.592.028 ✓
NXB Giáo dục tại TP. Đà Nẵng	961.069.154 ✓	1.700.764.780 ✓
Công ty CP Đầu tư và PTGD tại Đà Nẵng	287.529.718 ✓	315.877.345 ✓
Các đối tượng khác	335.650.640 ✓	460.118.157 ✓
Cộng	2.232.664.987	2.713.352.310

b) Phải thu của khách hàng là các bên liên quan

	31/12/2016	01/01/2016
Công ty TNHH MTV NXBGD VN	648.415.475 ✓	236.592.028 ✓
Nhà xuất bản Giáo dục tại TP Đà Nẵng	961.069.154 ✓	1.700.764.780 ✓
Công ty CP Đầu tư và Phát triển GD tại Đà Nẵng	287.529.718 ✓	315.877.345 ✓
Cộng	1.897.014.347	2.253.234.153

8. Phải thu về cho vay ngắn hạn

	31/12/2016	01/01/2016
Công ty TNHH MTV Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam (*)	10.076.183.229 ✓	10.076.183.229 ✓
Cộng	10.076.183.229	10.076.183.229

(*) Công ty cho Công ty TNHH MTV Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam vay theo nhiều hợp đồng và phụ lục hợp đồng khác nhau. Thời hạn cho vay: 12 tháng. Lãi suất cho vay: thỏa thuận. Vào ngày đến hạn thì số tiền cho vay có thể được chuyển sang một kỳ hạn mới tương ứng với lãi suất thỏa thuận của 2 bên.

9. Phải thu ngắn hạn khác

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Lãi dự thu	23.081.389 ✓	-	-	-
Phải thu về cổ phần hóa	1.000.000 ✓	-	1.200.000 ✓	-
Cổ tức phải thu	9.690.000 ✓	-	-	-
Tạm ứng	46.404.199 ✓	-	21.573.150 ✓	-
Phải thu khác	29.000.974 ✓	-	27.821.655 ✓	-
Cộng	109.176.562	-	50.594.805	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

10. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

	31/12/2016	01/01/2016
Dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán:		
- Từ 3 năm trở lên	42.382.500 ✓	42.382.500 ✓
- Từ 2 năm đến dưới 3 năm	3.463.015 ✓	-
- Từ 1 năm đến dưới 2 năm	-	2.473.582 ✓
Cộng	45.845.515 ✓	44.856.082 ✓

11. Hàng tồn kho

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	524.073.776 ✓	-	786.867.905 ✓	-
Chi phí SX, KD dở dang	104.632.713 ✓	-	113.178.939 ✓	-
Hàng hóa	50.721.405 ✓	-	67.252.729 ✓	-
Cộng	679.427.894 ✓	-	967.299.573 ✓	-

- Không có hàng tồn kho dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản nợ tại thời điểm 31/12/2016.
- Không có hàng tồn kho ứ đọng, kém phẩm chất không có khả năng/khó/chậm tiêu thụ tại thời điểm 31/12/2016.

12. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc thiết bị VND	P.tiện vận tải truyền dẫn VND	Cộng VND
Nguyên giá				
Số đầu năm	5.704.591.937	18.111.734.984	1.132.977.494	24.949.304.415
Mua sắm trong năm	-	760.000.000	-	760.000.000
T/lý, nhượng bán	-	161.904.762	373.271.000	535.175.762
Số cuối năm	5.704.591.937 ✓	18.709.830.222 ✓	759.706.494 ✓	25.174.128.653 ✓
Khấu hao				
Số đầu năm	4.029.165.613	16.317.798.228	577.170.222	20.924.134.063
Khấu hao trong năm	330.241.288	420.562.116	61.756.363	812.559.767
T/lý, nhượng bán	-	134.803.311	373.271.000	508.074.311
Số cuối năm	4.359.406.901 ✓	16.603.557.033 ✓	265.655.585 ✓	21.228.619.519 ✓
Giá trị còn lại				
Số đầu năm	1.675.426.324	1.793.936.756	555.807.272	4.025.170.352
Số cuối năm	1.345.185.036 ✓	2.106.273.189 ✓	494.050.909 ✓	3.945.509.134 ✓

Nguyên giá TSCĐ hữu hình đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2016 là 13.680.944.392 đồng. ✓

Không có TSCĐ hữu hình dùng để cầm cố, thế chấp đảm bảo các khoản vay tại ngày 31/12/2016.

13. Tài sản cố định vô hình

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

	Quyền sử dụng đất (*) VND	Cộng VND
Nguyên giá		
Số đầu năm	609.140.000 ✓	609.140.000 ✓
Mua trong năm	-	-
Giảm trong năm	-	-
Số cuối năm	609.140.000	609.140.000
Khấu hao		
Số đầu năm	-	-
Khấu hao trong năm	-	-
Giảm trong năm	-	-
Số cuối năm	-	-
Giá trị còn lại		
Số đầu năm	609.140.000 ✓	609.140.000 ✓
Số cuối năm	609.140.000	609.140.000

(*) Đây là quyền sử dụng đất lâu dài tại 157 Tôn Đức Thắng, Thành phố Đà Nẵng, được sử dụng làm văn phòng Công ty.

14. Chi phí trả trước dài hạn

	31/12/2016	01/01/2016
Chi phí công cụ, dụng cụ chờ phân bổ	1.149.835 ✓	16.184.198 ✓
Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định	62.291.667 ✓	-
Cộng	63.441.502 ✓	16.184.198 ✓

15. Phải trả người bán ngắn hạn

	31/12/2016	01/01/2016
Công ty CP In và Vật tư Sài Gòn	78.127.500 ✓	152.086.000 ✓
Công ty TNHH TMDV Kỹ thuật Thành Thái	162.800.000 ✓	166.100.000 ✓
Công ty TNHH Cơ khí Hoàng Hà	86.074.924 ✓	86.074.924 ✓
Các đối tượng khác	243.834.917 ✓	170.005.760 ✓
Cộng	570.837.341 ✓	574.266.684 ✓

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

16. Thuế và các khoản nộp Nhà nước

	Đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số thực nộp trong năm	Số cuối năm
Thuế GTGT	128.255.538 ✓	735.296.812 ✓	700.929.464 ✓	162.622.886 ✓
Thuế thu nhập doanh nghiệp	32.909.228 ✓	254.647.941 ✓	284.792.095 ✓	2.765.074 ✓
Thuế thu nhập cá nhân	1.089.428 ✓	59.559.691 ✓	54.676.468 ✓	5.972.651 ✓
Các loại thuế khác	-	3.000.000 ✓	3.000.000 ✓	-
Cộng	162.254.194 ✓	1.052.504.444 ✓	1.043.398.027 ✓	171.360.611 ✓

17. Phải trả ngắn hạn khác

	31/12/2016	01/01/2016
Kinh phí công đoàn	45.554.173 ✓	38.228.173 ✓
Bảo hiểm xã hội, y tế, bảo hiểm thất nghiệp	8.989.039 ✓	-
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	12.151.750 ✓	10.655.500 ✓
Phải trả khác	60.286.046 ✓	116.195.038 ✓
Cộng	126.981.008 ✓	165.078.711 ✓

18. Vốn chủ sở hữu

a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối
Số dư tại 01/01/2015	18.049.800.000 ✓	(60.093.500) ✓	(914.353.746) ✓	1.914.347.993 ✓	1.434.340.928 ✓
Tăng trong năm	-	-	-	-	1.142.638.197 ✓
Giảm trong năm	-	-	-	-	1.316.464.000 ✓
Số dư tại 31/12/2015	18.049.800.000 ✓	(60.093.500) ✓	(914.353.746) ✓	1.914.347.993 ✓	1.260.515.125 ✓
Số dư tại 01/01/2016	18.049.800.000 ✓	(60.093.500) ✓	(914.353.746) ✓	1.914.347.993 ✓	1.260.515.125 ✓
Tăng trong năm	-	-	-	-	1.007.588.717 ✓
Giảm trong năm	-	-	-	-	1.234.185.000 ✓
Số dư tại 30/06/2016	18.049.800.000 ✓	(60.093.500) ✓	(914.353.746) ✓	1.914.347.993 ✓	1.033.918.842 ✓

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	31/12/2016	01/01/2016
Vốn góp của Cty TNHH MTV Nhà xuất bản Giáo dục VN	3.816.000.000 ✓	3.816.000.000 ✓
Vốn góp của các cổ đông khác	12.639.800.000 ✓	12.639.800.000 ✓
Mệnh giá cổ phiếu quỹ	1.594.000.000 ✓	1.594.000.000 ✓
Cộng	18.049.800.000	18.049.800.000

c. Cổ phiếu

	31/12/2016 Cổ phiếu	01/01/2016 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	1.804.980 ✓	1.804.980 ✓
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	1.804.980	1.804.980
- Cổ phiếu phổ thông	1.804.980	1.804.980
- Cổ phiếu ưu đãi (được phân loại là vốn chủ sở hữu)	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)	159.400	159.400
- Cổ phiếu phổ thông	159.400	159.400
- Cổ phiếu ưu đãi (được phân loại là vốn chủ sở hữu)	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	1.645.580	1.645.580
- Cổ phiếu phổ thông	1.645.580 ✓	1.645.580 ✓
- Cổ phiếu ưu đãi (được phân loại là vốn chủ sở hữu)	-	-
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000VND		

d. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối

	Năm 2016	Năm 2015
Lợi nhuận kỳ trước chuyển sang	1.260.515.125 ✓	1.434.340.928 ✓
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp kỳ này	1.007.588.717 ✓	1.142.638.197 ✓
Phân phối lợi nhuận	1.234.185.000 ✓	1.316.464.000 ✓
Phân phối lợi nhuận kỳ trước	1.234.185.000 ✓	1.316.464.000 ✓
- Trả cổ tức cho các cổ đông	1.234.185.000 ✓	1.316.464.000 ✓
Tạm phân phối lợi nhuận kỳ này	-	-
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối cuối kỳ	1.033.918.842	1.260.515.125

e. Cổ tức

Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2016 số 01/ĐHCĐ ngày 03/04/2016 đã thông qua phương án chi trả cổ tức năm 2015 bằng tiền với tỷ lệ 7,5%/vốn điều lệ (trương ứng: 1.234.185.000 đồng). Công ty đã thực hiện việc chi trả cổ tức này trong 6 tháng đầu năm 2016.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

19. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2016	Năm 2015
Doanh thu in ấn, cắt rọc	9.299.458.178 ✓	11.100.840.992 ✓
Doanh thu hoạt động khác	2.435.513.385 ✓	3.230.066.846 ✓
Cộng	11.734.971.563 ✓	14.330.907.838 ✓

20. Giá vốn hàng bán

	Năm 2016	Năm 2015
Giá vốn in ấn, cắt rọc	7.771.794.412 ✓	9.482.624.955 ✓
Giá vốn hoạt động khác	1.929.825.783 ✓	2.337.670.772 ✓
Cộng	9.701.620.195 ✓	11.820.295.727 ✓

21. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2016	Năm 2015
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	959.385.249 ✓	1.119.660.841 ✓
Lãi bán các khoản đầu tư	78.657.864 ✓	1.036.900 ✓
Cổ tức, lợi nhuận được chia	58.105.600 ✓	10.184.800 ✓
Lãi bán hàng trả chậm, chiết khấu thanh toán	32.786.498 ✓	28.796.081 ✓
Cộng	1.128.935.211 ✓	1.159.678.622 ✓

22. Chi phí tài chính

	Năm 2016	Năm 2015
Dự phòng tổn thất đầu tư	(5.172.880) ✓	(4.699.667) ✓
Chi phí tài chính khác	516.142 ✓	4.680 ✓
Cộng	(4.656.738) ✓	(4.694.987) ✓

23. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

a. Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong kỳ

	Năm 2016	Năm 2015
Chi phí vận chuyển sách	39.031.204 ✓	22.568.359 ✓
Các khoản khác	-	12.152.129 ✓
Cộng	39.031.204 ✓	34.720.488 ✓

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

b. Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ

	Năm 2016	Năm 2015
Chi phí nhân viên quản lý	1.288.962.076	1.493.816.250
Chi phí tiếp khách, hội nghị, khánh tiết	163.799.374	265.242.397
Chi phí trợ cấp mất việc làm	129.487.000	191.075.625
Các khoản khác	490.975.320	528.935.843
Cộng	2.073.223.770	2.479.070.115

24. Thu nhập khác

	Năm 2016	Năm 2015
Thu nhập thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	163.807.640	54.545.455
Các khoản khác	133.093.207	344.279.572
Cộng	296.900.847	398.825.027

25. Chi phí khác

	Năm 2016	Năm 2015
Chi phí quản lý niêm yết, chốt danh sách cổ đông	20.000.000	18.563.686
Chi tổng kết cuối năm	11.300.000	24.600.000
Phụ cấp HĐQT không trực tiếp tham gia điều hành	38.780.000	42.495.000
Các khoản khác	19.272.532	22.976.192
Cộng	89.352.532	108.634.878

26. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm 2016	Năm 2015
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	1.262.236.658	1.451.385.266
Điều chỉnh các khoản thu nhập chịu thuế	11.003.045	92.350.078
- Điều chỉnh tăng (chi phí không hợp lệ)	69.108.645	102.534.878
- Điều chỉnh giảm (cổ tức nhận được)	58.105.600	10.184.800
Tổng thu nhập chịu thuế	1.273.239.703	1.543.735.344
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	254.647.941	308.747.069
Trong đó:		
- Chi phí thuế TNDN hiện hành phát sinh kỳ này	254.647.941	308.747.069
- Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành kỳ trước vào chi phí thuế TNDN hiện hành kỳ này	-	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

27. Lãi cơ bản, lãi suy giảm trên cổ phiếu

	Năm 2016	Năm 2015
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	1.007.588.717	1.142.638.197
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận sau thuế	-	-
LN hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	1.007.588.717	1.142.638.197
Số lượng cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ	1.645.580	1.645.580
Lãi cơ bản, lãi suy giảm trên cổ phiếu	612	694

28. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2016	Năm 2015
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1.782.244.393	2.920.120.858
Chi phí nhân công	6.142.157.675	6.512.090.474
Chi phí khấu hao tài sản cố định	812.559.767	817.567.737
Chi phí dịch vụ mua ngoài	710.892.359	1.354.406.291
Chi phí khác bằng tiền	381.803.451	674.015.306
Cộng	9.829.657.645	12.278.200.666

29. Báo cáo bộ phận

Theo quy định của Chuẩn mực kế toán số 28 và Thông tư hướng dẫn Chuẩn mực này thì Công ty cần lập báo cáo bộ phận. Theo đó, bộ phận là một phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh) hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích kinh tế khác với các bộ phận khác.

Căn cứ vào thực tế hoạt động tại Công ty, Ban Giám đốc đánh giá rằng các lĩnh vực kinh doanh cũng như các môi trường kinh tế cụ thể theo khu vực địa lý không có sự khác biệt trong việc gánh chịu rủi ro và lợi ích kinh tế. Vì vậy, Công ty hoạt động trong một bộ phận kinh doanh chính là in ấn sách giáo khoa và một bộ phận địa lý chính là Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam.

30. Quản lý rủi ro

a) Quản lý rủi ro vốn

Thông qua công tác quản trị nguồn vốn, Công ty xem xét, quyết định duy trì số dư nguồn vốn và nợ phải trả thích hợp trong từng thời kỳ để vừa đảm bảo hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông.

b) Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Quản lý rủi ro thị trường: Do không có giao dịch, số dư ngoại tệ và vay nợ, hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự biến động lớn về giá.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

Quản lý rủi ro về giá

Công ty mua nguyên vật liệu từ nhà cung cấp trong nước để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh, do đó sẽ chịu sự rủi ro từ việc thay đổi giá của nguyên vật liệu đầu vào. Để giảm thiểu rủi ro này, Công ty ký kết các hợp đồng nguyên tắc, dài hạn với các nhà cung cấp chính bên cạnh việc đa dạng hoá các nguồn cung cấp của Công ty.

Quản lý rủi ro tín dụng

Khách hàng của Công ty là các đơn vị thành viên Nhà xuất bản và các khách hàng có mối quan hệ kinh doanh lâu dài. Bên cạnh đó, khả năng thu hồi nợ của Công ty là tương đối tốt, do đó Ban Giám đốc Công ty cho rằng Công ty không có rủi ro tín dụng trọng yếu với khách hàng.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Để quản lý rủi ro thanh khoản, đáp ứng các nhu cầu về vốn, nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai, Công ty thường xuyên theo dõi và duy trì đủ mức dự phòng tiền, tối ưu hóa các dòng tiền nhận rồi, tận dụng được tín dụng từ khách hàng và đối tác, chủ động kiểm soát các khoản nợ đến hạn, sắp đến hạn trong sự tương quan với tài sản đến hạn và nguồn thu có thể tạo ra trong thời kỳ đó,...

Tổng hợp các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty theo thời hạn thanh toán như sau:

31/12/2016	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Phải trả người bán	570.837.341	-	570.837.341
Phải trả khác	72.437.796	-	72.437.796
Cộng	643.275.137	-	643.275.137
01/01/2016	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Phải trả người bán	574.266.684	-	574.266.684
Phải trả khác	126.850.538	-	126.850.538
Cộng	701.117.222	-	701.117.222

Công ty không có rủi ro trong thanh khoản, Ban Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

ĐÁ NẮNG

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

Tổng hợp các tài sản tài chính hiện có tại Công ty được trình bày trên cơ sở tài sản thuần như sau:

31/12/2016	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Tiền và các khoản tương đương tiền	2.207.283.619 ✓	-	2.207.283.619
Đầu tư tài chính	1.000.000.000 ✓	555.297.034 ✓	1.555.297.034
Phải thu khách hàng	2.186.819.472 ✓	-	2.186.819.472
Phải thu về cho vay	10.076.183.229 ✓	-	10.076.183.229
Phải thu khác	62.772.363 ✓	-	62.772.363
Cộng	15.533.058.683 ✓	555.297.034 ✓	16.088.355.717 ✓

01/01/2016	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Tiền và các khoản tương đương tiền	1.619.975.892 ✓	-	1.619.975.892
Đầu tư tài chính	1.000.000.000 ✓	715.816.290	1.715.816.290
Phải thu khách hàng	2.668.496.228 ✓	-	2.668.496.228
Phải thu về cho vay	10.076.183.229 ✓	-	10.076.183.229
Phải thu khác	29.021.655 ✓	-	29.021.655
Cộng	15.393.677.004 ✓	715.816.290 ✓	16.109.493.294 ✓

31. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc niên độ kế toán

Ngày 10/2/2017 Công ty đã chốt danh sách cổ đông hưởng cổ tức năm 2016 với tỷ lệ là 6%. Ngày chi trả dự kiến là ngày 27/2/2017. Ngoài ra, không có sự kiện quan trọng nào khác xảy ra sau ngày kết thúc niên độ kế toán yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

32. Thông tin về các bên liên quan

a. Các bên liên quan

Công ty liên quan

Mối quan hệ

Công ty TNHH MTV Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam
Nhà Xuất bản Giáo dục tại Đà Nẵng
Công ty CP Đầu tư và Phát triển GD tại Đà Nẵng
Công ty CP Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Trung
Công ty CP SGD tại TP Đà Nẵng

Công ty đầu tư
Đơn vị phụ thuộc của công ty đầu tư
Chung công ty đầu tư
Chung công ty đầu tư
Chung công ty đầu tư

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

b. Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong năm gồm:

Công ty liên quan	Nội dung nghiệp vụ	Năm 2016	Năm 2015
Mua hàng			
Công ty CP Đầu tư và Phát triển GD tại Đà Nẵng	Sách giáo khoa	789.068.912	1.301.360.553
Công ty CP Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Trung	Sách giáo khoa	611.595.122	701.475.300
Bán hàng			
Nhà xuất bản Giáo dục tại TP Đà Nẵng	Tiền công in	8.048.402.710	7.983.502.841
Công ty CP Đầu tư và Phát triển GD tại Đà Nẵng	Tiền công in	1.856.809.747	2.438.954.743
Công ty CP SGD tại TP Đà Nẵng	Cung ứng sách	435.076.089	369.932.087
Cho vay, thu hồi nợ vay			
Công ty TNHH MTV NXB GD Việt Nam	Lãi cho vay	797.823.447	997.488.654

c. Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

	Năm 2016	Năm 2015
Lương, thưởng của Ban Giám đốc	464.895.179	532.654.754
Thù lao của Hội đồng quản trị	62.560.000	66.660.000

33. Số liệu so sánh

Là số liệu trong báo cáo tài chính của năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015 đã được kiểm toán bởi AAC.



Nguyễn Thanh Tùng

Đà Nẵng, ngày 10 tháng 02 năm 2017

Kế toán trưởng

Đinh Châu Tâm Hạnh

Người lập biểu

Lê Quang Đỉnh Thạnh